

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2022/DS-PT  
Ngày 05-12-2022  
V/v tranh chấp đòi lại giá trị  
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Dũ;

Ông Phạm Hùng Nuôi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Trần Nhật Nguyên, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Sơn Cuol, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 05 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022, về tranh chấp đòi lại giá trị quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 180/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Lý Thị X;

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Huỳnh Thành T; địa chỉ: Ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 10 năm 2022). (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Triệu Du L, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

**- Bị đơn:** Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng;

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Sơn Thái Ph; địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T). (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trường Tiểu học T;

Địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện hợp pháp của Trường Tiểu học T:* Ông Nguyễn Văn Tr; địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; là người đại diện theo pháp luật của Trường Tiểu học T (Hiệu trưởng). (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn U;

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

3. Ông Sơn B;

4. Ông Sơn D;

5. Ông Sơn N;

6. Ông Sơn U1;

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (đều vắng mặt)

- *Người phiên dịch:* Bà Sơn Thị Hồng V - Phiên dịch tiếng Khmer. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Lý Thị X - Nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lý Thị X cũng như người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Huỳnh Thành T trình bày:*

Trước năm 1975, cha chồng bà X là ông Sơn H có cho chồng bà là ông Sơn B1 và bà phần đất tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/7/1996, có thửa 220, diện tích 1.500m<sup>2</sup>, tờ bản đồ 09. Vào năm 1996, ông Nguyễn Văn U là Cán bộ địa chính xã T xuống đo đất và lấy đất của bà X với diện tích 519,8m<sup>2</sup>, tại thửa 220 để giao lại cho Trường Tiểu học T xây dựng trường học, không có quyết định thu hồi đất và Trường Tiểu học T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, gia đình bà X làm đơn gửi UBND xã T xin được đền bù nền đất lấy làm trường học nhưng UBND xã không giải quyết.

Đến năm 2002, Nhà nước có chủ trương khởi công dự án khôi phục Quốc lộ 1A đoạn Cần Thơ - Cà Mau, trong dự án này diện tích đền bù giải tỏa là 223,6m<sup>2</sup> (số hiệu thửa 40, tờ bản đồ số 39 do ông Sơn B1 đứng tên thuộc thửa 220 nêu trên) được Ban giải phóng mặt bằng Quốc lộ 1A huyện M đền bù số tiền 22.360.000 đồng cho ông Sơn B1 (chồng bà X), diện tích còn lại 296,2m<sup>2</sup> loại đất thổ cư xây dựng Trường Tiểu học T thì chưa đền bù. Ngày 05/5/2014, UBND xã T giải quyết hỗ trợ cho bà X số tiền 5.000.000 đồng nhưng bà X không đồng ý. Sau đó, bà X làm đơn khiếu nại đến UBND huyện M và được Ban tiếp công dân huyện trả lời chuyển về xã giải quyết. Ngày 14/12/2017, UBND xã T mời gia đình bà X đến hòa giải đơn khiếu nại, trong cuộc hòa giải

không giải quyết đến diện tích đất 296,2m<sup>2</sup> xây dựng Trường Tiểu học T mà động viên gia đình bà X nhận tiền hỗ trợ 5.000.000 đồng vận động từ các mạnh thường quân, gia đình bà X không nhận và yêu cầu bồi thường đúng theo Luật đất đai.

Bà X thống nhất phần đất tranh chấp theo sơ đồ vị trí đo đạc ngày 22/3/2019 diện tích thực tế nằm trong chỉ giới là 335,1m<sup>2</sup> theo sự chỉ ranh của bà. Tuy nhiên, bà X chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc UBND xã T có trách nhiệm bồi thường cho gia đình bà giá trị quyền sử dụng đất với diện tích 296,2m<sup>2</sup> x 1.500.000 đồng/m<sup>2</sup> = 444.300.000 đồng (theo giá đất của UBND tỉnh).

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, cũng như người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Sơn Thái Ph trình bày:*

Vào năm 1977-1978, Nhà nước thực hiện trang trải ruộng đất vào tập đoàn sản xuất nông nghiệp và xã T cũng thực hiện phong trào chung ở địa phương, trong đó có các hộ xung quanh. Khu vực đất tuyến Quốc lộ 1A tại ấp S, xã T cạnh nền đồn của chế độ cũ để lại đã được quy hoạch làm Trường Tiểu học T cho con em ở địa phương đi học. Do điều kiện xây dựng sơ sài nên đến năm 1987 trường xuống cấp, hư hỏng nặng, Ban nhân dân ấp S kết hợp với UBND xã cùng Đại đức Thạch H (chùa N) tổ chức họp dân và xin ý kiến bà con về việc xây dựng trường học mới trên nền trường tiểu học hiện nay và kết quả 100% bà con thống nhất đồng tình để xây dựng trường trên nền đồn chế độ cũ và một phần diện tích đất của ông Trần C cho con em theo học (không có biên bản họp dân).

Đến ngày 17/3/1998, Trường Tiểu học T được UBND tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 970359, tại thửa số 282, tờ bản đồ 09, diện tích 4.067m<sup>2</sup>, loại đất: Đất xây dựng, thời hạn sử dụng: Lâu dài. Đến năm 2002, Nhà nước có dự án nâng cấp Quốc lộ 1A, gia đình bà X có làm đơn yêu cầu xin hưởng tiền giải phóng mặt bằng trên nền trường học với lý do là đất gốc trước đây của cha chồng bà là ông Sơn H, do quá trình kiểm đếm để bồi hoàn giải phóng mặt bằng có sai sót về nguồn gốc của người sử dụng đất nên UBND xã T đã cho bà X nhận hết số tiền giải phóng mặt bằng theo giá quy định của Nhà nước. Nay bà X sử dụng hồ sơ giải phóng mặt bằng để làm cơ sở pháp lý tranh chấp phần đất 296,2m<sup>2</sup> với Trường Tiểu học T và yêu cầu UBND xã bồi hoàn giá trị đất cho bà là không phù hợp.

Căn cứ sổ mục kê ruộng đất năm 1995 và phân tích bản đồ địa chính trên địa bàn ấp S tại thời điểm đăng ký vào sổ mục kê ruộng đất thì thửa đất số 282, tờ bản đồ 09, diện tích 3.540m<sup>2</sup> loại đất: Xây dựng là đất của Trường Tiểu học T. Đến ngày 17/3/1998, Trường Tiểu học T được UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 282, với diện tích đo đạc thực tế là 4.067m<sup>2</sup>, loại đất: Xây dựng, phần diện tích tăng do biến động hành lang lộ giới. Đến ngày 15/8/2008, thực hiện Chỉ thị số 31/2007/CT-TTg ngày 14/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ, Phòng Tài nguyên và Môi huyện M có đo đạc lại hiện trạng sử

dụng đất công của Trường Tiểu học T theo diện tích đã trừ hành lang lộ giới giải phóng mặt bằng, còn lại là 3.642m<sup>2</sup> Loại đất: Đất giáo dục.

Qua xác minh và căn cứ hồ sơ địa chính xã đang quản lý thì thửa đất liền kề với thửa 282 của Trường Tiểu học T là thửa 491, diện tích 1.640m<sup>2</sup> (ONT 300m<sup>2</sup> + CLN 1.340m<sup>2</sup>), tờ bản đồ số 9 do ông Sơn H1 đang sử dụng hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa đất liền kề phía sau Trường Tiểu học T là thửa 221, tờ bản đồ số 09, diện tích 28.620m<sup>2</sup> loại đất: LUC do ông Sơn B1 (chồng bà X) đăng ký quyền sử dụng đất trong sổ mục kê ruộng đất. Việc bà X cho là đất Trường Tiểu học T đang sử dụng là đất gốc của ông Sơn H (cha chồng bà X) là không đúng, mà đất này trước khi đại diện Trường Tiểu học T đăng ký kê khai sử dụng đất vào sổ mục kê của xã quản lý gồm một phần là đất đồn của chế độ cũ và một phần là đất ruộng của ông Trần C hiến cho trường, trong quá trình sử dụng làm trường học cho đến nay hộ ông Trần C không có yêu cầu gì về việc trường đăng ký kê khai sử dụng đất. Thửa đất 220 của gia đình bà X cách thửa 282 của Trường Tiểu học T một thửa đất khác là thửa 491 của ông Sơn H1 và thể hiện thửa đất 220 gia đình bà X đã chuyển nhượng hết cho hộ bà Thạch Thị S vào năm 2004. Do đó, việc bà X yêu cầu UBND xã T trả giá trị quyền sử dụng đất diện tích 296,2m<sup>2</sup> đất ở nông thôn tại thửa đất số 220, tờ bản đồ số 09 là không có căn cứ, UBND xã T không đồng ý. Nay UBND xã T đồng ý hỗ trợ khó khăn cho bà X số tiền là 5.000.000 đồng.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trường Tiểu học T là ông Nguyễn Văn Tr trình bày:*

Vào năm 1976, do học sinh không có nơi để học, nên đất đồn của chế độ cũ ngày xưa không có ai sử dụng, người dân địa phương thống nhất dùng đất này làm trường tiểu học, do điều kiện xây dựng sơ sài nên đến năm 1987, trường xuống cấp, hư hỏng, Ban nhân dân ấp S kết hợp với UBND xã tổ chức họp dân và xin ý kiến về việc xây dựng trường học mới trên nền đất đồn chế độ cũ, đến năm 1992 chính thức thành lập trường. Đến ngày 17/3/1998, Trường Tiểu học T được UBND tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 970359, tại thửa số 282, tờ bản đồ 09, diện tích 4.067m<sup>2</sup>, loại đất: Đất xây dựng, thời hạn sử dụng: Lâu dài, không có liên quan đến thửa 220 của gia đình bà X. Bà X khởi kiện cho rằng thửa đất 282 hiện tại của Trường Tiểu học T là đất gốc thuộc thửa 220 của gia đình bà X do UBND xã T lấy cấp cho trường học là không đúng.

*Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông Nguyễn Văn U, Sơn B, Sơn D, Sơn N và Sơn U1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho các ông theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng các ông không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của bà X, không đến Tòa án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.*

Tại Bản án số 29/2022/DS-ST ngày 05/8/2022, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định: Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 158, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013 và điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị X, về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ủy ban nhân dân xã T trả lại giá trị đất diện tích  $296,2\text{m}^2$  (diện tích theo đo đạc thực tế nằm trong chỉ giới là  $335,1\text{m}^2$ )  $\times 1.500.000$  đồng/ $\text{m}^2 = 444.300.000$  đồng (theo giá đất của UBND tỉnh).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Ủy ban nhân dân xã T đồng ý hỗ trợ cho bà Lý Thị X số tiền là 5.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và bà Lý Thị X có đơn yêu cầu thi hành án mà Ủy ban nhân dân xã T, huyện M chậm trả số tiền nêu trên cho bà X, thì Ủy ban nhân dân xã T, huyện M phải trả lãi đối với số tiền trả chậm, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Đến ngày 19/8/2022, bà Lý Thị X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc Ủy ban nhân dân xã T bồi thường giá trị quyền sử dụng đất  $296,2\text{m}^2 \times 1.500.000$  đồng/ $\text{m}^2 = 444.300.000$  đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của bà X không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo và yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm để chuyển về cấp sơ thẩm giải quyết lại cho đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do.

Các đương sự cũng không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà X cho rằng cấp sơ thẩm chưa xác định rõ vụ án này thụ lý theo thủ tục dân sự hay hành chính, vì trong quá trình giải quyết cấp sơ thẩm chuyển qua rồi chuyển lại nhiều lần; nội dung vụ án cấp sơ thẩm cũng chưa làm rõ vị trí, diện tích đất tranh chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại cho đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với yêu cầu kháng cáo của bà X là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Sơn Thái Ph cũng như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Những người này đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và cũng không có kháng cáo nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Lý Thị X đảm bảo về mặt hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện để giải quyết, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của bà X, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[4] Phần đất diện tích 296,2m<sup>2</sup> bà X yêu cầu UBND xã T trả giá trị quyền sử dụng đất qua đo đạc thực tế có diện tích là 335,1m<sup>2</sup> (nằm trong chỉ giới) thuộc thửa 282, tờ bản đồ số 09 (bút lục 147), tọa lạc tại ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, được UBND tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 970359 ngày 17/3/1998 cho Trường Tiểu học S, nay đổi tên thành Trường Tiểu học T, hiện nay Trường Tiểu học T đang quản lý, sử dụng phần đất này.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, bà X cho rằng phần đất bà yêu cầu UBND xã T trả giá trị quyền sử dụng đất nêu trên là thuộc thửa 220, tờ bản đồ số 09, hộ bà được UBND huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 059246 ngày 29/7/1996, do ông Sơn B1 (chồng bà) đại diện hộ đứng tên. Năm 1996, ông Nguyễn Văn U là cán bộ địa chính xã T đến đo đạc, lấy đất của bà giao cho Trường Tiểu học để xây dựng trường nhưng không có quyết định thu hồi đất. Tuy nhiên, tại Công văn số 2536/STNMT-TTr ngày 26/11/2018 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng đã xác định: Thửa đất số 282, tờ bản đồ số 09 được UBND tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường Tiểu học T năm 1998 không liên quan đến thửa số 220, tờ bản đồ số 09 của nguyên đơn - bà Lý Thị X cho rằng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996 (là 02 thửa đất khác nhau thuộc tờ bản đồ số 09) (bút lục 228). Tại Công văn 295/UBND-Vp ngày 10/5/2022 của UBND huyện M cũng xác định: Theo hồ sơ lưu trữ tại Phòng Tài nguyên và

Môi trường huyện M thời điểm từ năm 1996 đến năm 1998, Ủy ban nhân dân huyện M không có thu hồi thửa đất số 220, tờ bản đồ số 9 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 059246 do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 29/7/1996 cho hộ ông Sơn B1 đứng tên để thực hiện các chính sách, quy hoạch.

[6] Bà X cho rằng năm 2002, Nhà nước có chủ trương khởi công dự án khôi phục Quốc lộ 1A đoạn Cần Thơ - Cà Mau, trong dự án này diện tích đền bù giải tỏa là 223,6m<sup>2</sup> (số hiệu thửa 40, tờ bản đồ số 39 do ông Sơn B1 đứng tên thuộc thửa 220 nêu trên) được Ban giải phóng mặt bằng Quốc lộ 1A huyện M đền bù số tiền 22.360.000 đồng cho ông Sơn B1 (chồng bà), diện tích còn lại 296,2m<sup>2</sup> loại đất thổ cư xây dựng Trường Tiểu học T thì chưa đền bù. Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập toàn bộ hồ sơ thu hồi đất, đền bù giải tỏa mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn Cần Thơ - (Năm Căn) Cà Mau (khu vực xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng) năm 2002 - 2003 đối với diện tích đất hành lang giải tỏa 223,6m<sup>2</sup>, thửa số 40, tờ bản đồ 39 của hộ ông Sơn B1 đứng tên (ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng), trong hồ sơ không có quyết định thu hồi đất đối với thửa 220 như bà X trình bày.

[7] Căn cứ hồ sơ địa chính thì thửa 220 của hộ bà X cách thửa 282 của Trường Tiểu học T một thửa là thửa 491 (không phải của bà) nên bà cho rằng phần đất bà yêu cầu UBND xã T trả giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa 220 cũng không phù hợp.

[8] Như vậy, bà X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh phần đất bà yêu cầu UBND xã T trả giá trị quyền sử dụng đất là đất gốc thuộc thửa 220 của hộ gia đình bà mà UBND xã T lấy giao cho Trường Tiểu học T để xây trường nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là có căn cứ.

[9] Trong giai đoạn phúc thẩm, bà X cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại hợp pháp của bà X cho rằng cấp sơ thẩm giải quyết chưa đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại; đồng thời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Xương cũng đề nghị như vậy. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu này là không có căn cứ. Bởi lẽ, bà X khởi kiện yêu cầu UBND xã T trả giá trị quyền sử dụng đất nên cấp sơ thẩm xác định vụ án dân sự là đúng; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, yêu cầu các đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ và thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ xác định được phần đất bà X yêu cầu UBND xã T trả giá trị quyền sử dụng đất không thuộc thửa 220 của hộ bà X nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà X là đúng quy định của pháp luật như đã nhận định ở trên.

[11] Các phần khác trong quyết định của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[12] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận lời đề nghị của Kiểm sát viên, không chấp nhận lời đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà X, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà X, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm: Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: *“Đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm”* và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết này cũng quy định những trường hợp được miễn nộp tiền án phí trong đó có đối tượng là người cao tuổi. Như vậy, bà X là người kháng cáo không được Tòa án chấp nhận và bà là người cao tuổi, có đơn yêu cầu miễn nộp tiền án phí phúc thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận miễn án phí phúc thẩm cho bà.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Lý Thị X.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 29/2022/DS-ST ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị X, về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng trả lại giá trị quyền sử dụng đất diện tích  $296,2\text{m}^2 \times 1.500.000 \text{ đồng/m}^2 = 444.300.000 \text{ đồng}$  (theo giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh).

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng đồng ý hỗ trợ cho bà Lý Thị X số tiền là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lý Thị X thì hàng tháng, Ủy ban nhân dân xã T còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Bà Lý Thị X phải chịu là 3.057.448 đồng (Ba triệu không trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng) và bà đã nộp xong.



4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lý Thị X được miễn.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lý Thị X được miễn.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Xuyên;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Hoàng Lâm**